



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI
BẮNG GIANG CAO BẰNG - VIMICO**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2020**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang Cao Bằng - Vimico (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Viên	Chủ tịch	Từ ngày 25/04/2020
Bà Đỗ Mai Hương	Chủ tịch	Đến ngày 25/04/2020
Ông Đoàn Trọng Hùng	Thành viên	
Ông Lê Văn Huyền	Thành viên	
Ông Vương Văn Hường	Thành viên	
Bà Nông Thị Thuý	Thành viên	

Ban Kiểm soát

Bà Lý Thị Huệ	Trưởng ban
Bà Đào Vân Anh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Thành viên

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Bà Nông Thị Thuý	Giám đốc
Ông Dương Quốc Thái	Kế toán trưởng

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng: không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31/12/2020 có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính (trong năm 2020) và Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính (từ 01/01/2021) hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty Đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Nông Thị Thuý
Giám đốc

Cao Bằng, ngày 18 tháng 03 năm 2021

Số. 62/2021/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang Cao Bằng - Vimico

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang Cao Bằng - Vimico (Sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 18/03/2021, từ trang 06 đến trang 24 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang Cao Bằng - Vimico chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang Cao Bằng - Vimico tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 29 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Tính đến thời điểm 31/12/2020 lũy kế của Công ty là 4.454.062.510 đồng, tại ngày này các khoản nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là 1.923.747.347 đồng. Báo cáo tài chính của Công ty được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục do Ban Lãnh đạo Công ty tin tưởng rằng hoạt động của Công ty trong tương lai sẽ có nguồn thu từ hoạt động kinh doanh và tiếp tục nhận được cung cấp tài chính từ các tổ chức tín dụng cũng như các cổ đông và nhà đầu tư.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0666-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2021

Hoàng Thị Nga
Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 4079-2018-112-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.801.157.562	3.350.416.092
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.193.067.824	1.448.856.303
Tiền	111		1.193.067.824	1.448.856.303
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.336.036.148	1.597.606.365
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	802.153.008	1.094.214.078
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	56.006.645
Các khoản phải thu khác	136	7	590.574.140	504.076.642
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(56.691.000)	(56.691.000)
Hàng tồn kho	140	9	231.710.569	201.122.508
Hàng tồn kho	141		231.710.569	201.122.508
Tài sản ngắn hạn khác	150		40.343.021	102.830.916
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	29.550.465	89.460.023
Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.792.556	10.792.555
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	-	2.578.338
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		18.940.314.634	20.983.809.120
Tài sản cố định	220		17.951.691.576	19.925.790.285
Tài sản cố định hữu hình	221	11	17.951.691.576	19.925.790.285
- Nguyên giá	222		45.532.442.385	45.532.442.385
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.580.750.809)	(25.606.652.100)
Tài sản dài hạn khác	260		988.623.058	1.058.018.835
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	988.623.058	1.058.018.835
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		21.741.472.196	24.334.225.212

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		7.464.757.268	8.181.313.603
Nợ ngắn hạn	310		4.724.904.909	4.757.579.069
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	1.754.162.111	1.446.769.707
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		583.570.000	615.310.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	405.664.679	443.543.056
Phải trả người lao động	314		160.751.315	201.667.115
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	4.256.214	5.532.979
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		571.818.183	1.024.090.927
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	7.247.114	12.225.256
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	1.228.488.321	987.573.057
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.946.972	20.866.972
Nợ dài hạn	330		2.739.852.359	3.423.734.534
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		919.393.940	1.048.484.848
Phải trả dài hạn khác	337	15	1.276.169.667	1.276.169.667
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	544.288.752	1.099.080.019
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		14.276.714.928	16.152.911.609
Vốn chủ sở hữu	410	17	14.276.714.928	16.152.911.609
Vốn góp của chủ sở hữu	411		18.000.000.000	18.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		18.000.000.000	18.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		730.777.438	730.777.438
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(4.454.062.510)	(2.577.865.829)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(2.577.865.829)	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(1.876.196.681)	(2.577.865.829)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		21.741.472.196	24.334.225.212

Cao Bằng, ngày 18 tháng 03 năm 2021

Lục Thị Yến
Người lập biểu

Dương Quốc Thái
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thuý
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	9.171.202.961	17.158.081.282
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		9.171.202.961	17.158.081.282
Giá vốn hàng bán	11	19	9.192.863.863	14.216.472.838
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(21.660.902)	2.941.608.444
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	1.202.493	1.674.088
Chi phí tài chính	22	21	185.869.545	306.266.129
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		185.869.545	306.266.129
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	2.333.073.232	2.712.093.794
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.539.401.186)	(75.077.391)
Thu nhập khác	31	23	694.955.585	88.232.057
Chi phí khác	32	24	31.751.080	13.154.666
Lợi nhuận khác	40		663.204.505	75.077.391
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(1.876.196.681)	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(1.876.196.681)	-
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	70		(1.042)	-

Cao Bằng, ngày 18 tháng 03 năm 2021

Lục Thị Yên
Người lập biểu

Dương Quốc Thái
Kế toán trưởng



Nông Thị Thuý
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		(1.876.196.681)	-
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.974.098.709	2.129.833.012
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05		(1.202.493)	(1.674.088)
Chi phí lãi vay	06		185.869.545	306.266.129
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		282.569.080	2.434.425.053
<i>vốn lưu động</i>				
Tăng giảm các khoản phải thu	09		261.570.217	11.026.783
Tăng giảm hàng tồn kho	10		(30.588.061)	45.312.252
Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(402.003.567)	303.263.045
Tăng giảm chi phí trả trước	12		168.712.933	(575.631.022)
Tiền lãi vay đã trả	14		(186.546.310)	(320.730.141)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(36.829.261)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		56.885.031	1.897.665.970
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.202.493	1.674.088
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.202.493	1.674.088
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		860.000.000	1.435.450.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.173.876.003)	(3.093.943.504)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(313.876.003)	(1.658.493.504)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(255.788.479)	240.846.554
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1.448.856.303	1.208.009.749
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	1.193.067.824	1.448.856.303

Cao Bằng, ngày 18 tháng 03 năm 2021

Lục Thị Yên
Người lập biểu

Dương Quốc Thái
Kế toán trưởng



Nông Thị Thuý
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang Cao Bằng - Vimico (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước được chuyển đổi từ khách sạn Bằng Giang theo quyết định 1158/QĐ-UB ngày 25/07/2017 của UBND tỉnh Cao Bằng. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4800130048 ngày 01 tháng 09 năm 2018, thay đổi lần thứ tư ngày 10 tháng 04 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 1, Phố Kim Đồng, Phường Hợp Giang, Thành phố Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng.

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh khách sạn;
- Kinh doanh nhà hàng, ăn uống và giải khát;
- Kinh doanh lữ hành nội địa và lữ hành quốc tế;
- Kinh doanh thương mại.

1.3 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là dịch vụ khách sạn, nhà hàng, ăn uống.

2. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG, NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch hàng năm.

Báo cáo này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”) của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành để lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

4.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu và các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Công ty thực hiện trích lập các khoản dự phòng theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp”.

4.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá hàng xuất kho đối với sản xuất kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Số năm khấu hao (năm)
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
- Máy móc, thiết bị	05 - 15
- Phương tiện vận tải	06 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
- Tài sản cố định khác	05

Nguyên giá tài sản cố định đầu tư xây dựng là giá trị quyết toán công trình khi đưa vào sử dụng. Trường hợp tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa thực hiện quyết toán thì hạch toán nguyên giá theo giá tạm tính và điều chỉnh sau khi quyết toán công trình hoàn thành. Khi quyết toán công trình xây dựng cơ bản hoàn thành có sự chênh lệch giữa giá trị tạm tính và giá trị quyết toán, Công ty sẽ điều chỉnh lại nguyên giá tài sản cố định theo giá trị quyết toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt mà không phải điều chỉnh lại mức chi phí khấu hao đã trích kê từ thời điểm tài sản cố định hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng đến thời điểm quyết toán được phê duyệt.

4.7 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.9 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.10 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh theo số vốn thực tế chủ sở hữu đã góp.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua.

Cổ tức phải trả cho các Cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

4.11 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- *Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;*
- *Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;*
- *Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;*
- *Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.*

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận thoả mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- *Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;*
- *Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.*

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng năm tài chính.

Giá vốn hàng bán được kết chuyển phù hợp với doanh thu đã ghi nhận và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.12 THUẾ

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế xuất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính là 20% tính trên thu nhập chịu thuế. Trong năm 2020, Công ty được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp theo quy định tại Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội về giảm thuế TNDN phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.13 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, các giao dịch và số dư với bên liên quan trong năm 2020 được trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Tiền mặt	324.836.818	1.065.240.799
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	868.231.006	383.615.504
	1.193.067.824	1.448.856.303

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	802.153.008	1.094.214.078
- Tổng Công ty khoáng sản TKV - CTCP	13.090.000	235.515.000
- Viễn thông Cao Bằng	35.007.000	79.567.000
- Công ty CP Gang thép Cao Bằng	17.889.000	76.882.000
- Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng	10.242.000	-
- Tỉnh đoàn thanh niên	54.450.000	9.110.000
- Sở Tài chính Cao Bằng	44.380.000	36.855.000
- Văn phòng UBND tỉnh Cao Bằng	194.141.000	1.762.000
- Dương Thị Ngọc Ánh	28.348.000	26.354.000
- Các khách hàng khác	404.606.008	628.169.078
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	41.221.000	312.397.000
- Tổng Công ty khoáng sản TKV - CTCP	13.090.000	235.515.000
- Công ty CP Gang thép Cao Bằng	17.889.000	76.882.000
- Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng	10.242.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	590.574.140	-	504.076.642	-
- Tạm ứng người lao động	-	-	4.000.727	-
- Ký cược, ký quỹ	500.000.000	-	500.000.000	-
- Công ty Du lịch Á Châu	85.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	5.574.140	-	75.915	-
	590.574.140	-	504.076.642	-

8. NỢ XẤU

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	56.691.000	-	56.691.000	-
- Công ty ĐT và phát triển Miền núi	19.177.000	-	19.177.000	-
- Công ty Liên minh người tiêu dùng	37.514.000	-	37.514.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***9. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	89.539.127	-	73.897.514	-
- Công cụ, dụng cụ	63.726.092	-	39.433.326	-
- Hàng hoá	78.445.350	-	87.791.668	-
	231.710.569	-	201.122.508	-

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	29.550.465	89.460.023
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	29.550.465	89.460.023
Chi phí trả trước dài hạn	988.623.058	1.058.018.835
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	988.623.058	1.058.018.835
	1.018.173.523	1.147.478.858

CÔNG TY CP DU LỊCH VÀ TM BẢNG GIANG CAO BÀNG - VIMICO
Số 1, phố Kim Đồng, phường Hợp Giang, Tp.Cao Bằng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2020	39.165.191.828	5.398.513.416	546.812.349	76.363.636	345.561.156	45.532.442.385
31/12/2020	<u>39.165.191.828</u>	<u>5.398.513.416</u>	<u>546.812.349</u>	<u>76.363.636</u>	<u>345.561.156</u>	<u>45.532.442.385</u>
GIÁ TRỊ HAO MÓN LUY KẾ						
01/01/2020	22.047.291.852	2.590.623.108	546.812.349	76.363.636	345.561.156	25.606.652.100
- Khấu hao trong năm	1.285.958.515	688.140.194	-	-	-	1.974.098.709
31/12/2020	<u>23.333.250.367</u>	<u>3.278.763.302</u>	<u>546.812.349</u>	<u>76.363.636</u>	<u>345.561.156</u>	<u>27.580.750.809</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2020	17.117.899.976	2.807.890.308	-	-	-	19.925.790.285
31/12/2020	<u>15.831.941.461</u>	<u>2.119.750.114</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>17.951.691.576</u>

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020: 5.060.561.025 đồng.

CÔNG TY CP DU LỊCH VÀ TM BẢNG GIANG CAO BẰNG - VIMICO
Số 1, phố Kim Đồng, phường Hợp Giang, Tp.Cao Bằng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	1.754.162.111	1.754.162.111	1.446.769.707	1.446.769.707
- Ông Nguyễn Mạnh Thường	-	-	390.355.846	390.355.846
- Bà Nguyễn Thị Dung	288.922.050	288.922.050	179.888.050	179.888.050
- Ông Trần Thanh Hải	158.899.500	158.899.500	157.028.500	157.028.500
- Bà Trần Thị Nhài	-	-	49.329.500	49.329.500
- Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Luyện Kim Cao Bằng	25.508.000	25.508.000	45.303.000	45.303.000
- Ông Vũ Xuân Hiến	-	-	45.081.747	45.081.747
- Bà Hà Thị Minh Tâm	-	-	15.002.000	15.002.000
- Bà Đinh Thị Huệ	562.127.250	562.127.250	-	-
- Công ty TNHH Trung Hiếu	118.717.800	118.717.800	118.717.800	118.717.800
- Các đối tượng khác	599.987.511	599.987.511	446.063.264	446.063.264
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan	1.754.162.111	1.754.162.111	1.446.769.707	1.446.769.707
- Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Luyện Kim Cao Bằng	25.508.000	25.508.000	45.303.000	45.303.000
	25.508.000	25.508.000	45.303.000	45.303.000

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2020		Số đã nộp/khấu trừ trong năm		Số phải nộp trong năm		Số có khả năng trả nợ	
	01/01/2020 VND	VND	Số đã nộp/khấu trừ trong năm VND	VND	Số phải nộp trong năm VND	VND	31/12/2020 VND	
Phải nộp	443.543.056	1.913.297.574	1.951.175.951	405.664.679	443.543.056	877.417.795	405.664.679	
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	-	1.070.758.156	-	-	1.070.758.156	-	
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	3.000.000	-	-	3.000.000	-	
- Các loại thuế khác	-	-	-	-	-	-	-	
Phải thu	2.578.338	2.578.338	2.578.338	-	2.578.338	-	-	
- Thuế thu nhập cá nhân	2.578.338	2.578.338	-	-	-	-	-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	4.256.214	5.532.979
- Chi phí lãi vay	2.906.214	3.582.979
- Các khoản trích trước khác	1.350.000	1.950.000

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	7.247.114	12.225.256
- Kinh phí công đoàn	3.849.241	2.821.683
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.397.873	9.403.573
Dài hạn	1.276.169.667	1.276.169.667
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	300.000.000	300.000.000
- Ngân hàng Agribank CN Cao Bằng (Lãi vay đầu tư xây dựng Khách sạn Bằng Giang)	976.169.667	976.169.667

CÔNG TY CP DU LỊCH VÀ TM BẢNG GIANG CAO BẰNG - VIMICO
Số 1, phố Kim Đồng, phường Hợp Giang, Tp.Cao Bằng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	31/12/2020		Trong năm		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	1.228.488.321	1.228.488.321	1.414.791.267	1.173.876.003	987.573.057	987.573.057
- Vay ngắn hạn	600.000.000	600.000.000	600.000.000	400.000.000	400.000.000	400.000.000
Ngân hàng Công thương - CN Cao Bằng	600.000.000	600.000.000	600.000.000	400.000.000	400.000.000	400.000.000
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	628.488.321	628.488.321	814.791.267	773.876.003	587.573.057	587.573.057
Ngân hàng Công thương - CN Cao Bằng	628.488.321	628.488.321	814.791.267	773.876.003	587.573.057	587.573.057
Vay dài hạn	544.288.752	544.288.752	260.000.000	814.791.267	1.099.080.019	1.099.080.019
Ngân hàng Công thương - CN Cao Bằng	544.288.752	544.288.752	260.000.000	814.791.267	1.099.080.019	1.099.080.019

Thông tin chi tiết liên quan tới các khoản vay:

	Kỳ hạn	Năm đáo hạn	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo	31/12/2020	01/01/2020
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng Công thương - CN Cao Bằng						
+ Hợp đồng số 275 - Giấy nhận nợ 01	09 tháng	2020	8,5%	Bảo lãnh	-	400.000.000
+ Hợp đồng số 275 - Giấy nhận nợ 02	09 tháng	2021	8,5%	Bảo lãnh	600.000.000	-
					600.000.000	400.000.000
Vay dài hạn						
Ngân hàng Công thương - CN Cao Bằng						
+ Hợp đồng số 376	59 tháng	2021	10,00%	Bảo lãnh	1.172.777.073	1.686.653.076
+ Hợp đồng số 331	60 tháng	2022	9,00%	Bảo lãnh	436.163.322	1.017.714.326
+ Hợp đồng số 319 - Giấy nhận nợ 01	60 tháng	2024	9,25%	Bảo lãnh	161.411.250	253.646.250
+ Hợp đồng số 435 - Giấy nhận nợ 01	60 tháng	2024	9,25%	Bảo lãnh	189.200.000	240.800.000
+ Hợp đồng số 314 - Giấy nhận nợ 01	60 tháng	2025	9,50%	Bảo lãnh	139.002.500	174.492.500
					247.000.001	-
					1.172.777.073	1.686.653.076

Trong đó:

- Đến hạn trả trong 12 tháng

- Khoản đến hạn trả sau 12 tháng

628.488.321

587.573.057

544.288.752

1.099.080.019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
+ Tổng công ty khoáng sản TKV - CTCP	9.235.000.000	9.235.000.000
+ Văn phòng tỉnh uỷ Cao Bằng	7.516.000.000	7.516.000.000
+ Các cổ đông khác	1.249.000.000	1.249.000.000
	18.000.000.000	18.000.000.000

17.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	18.000.000.000	18.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	18.000.000.000	18.000.000.000

17.3 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
01/01/2019	18.000.000.000	730.777.438	(2.577.865.829)	16.152.911.609
31/12/2019	18.000.000.000	730.777.438	(2.577.865.829)	16.152.911.609
01/01/2020	18.000.000.000	730.777.438	(2.577.865.829)	16.152.911.609
- Lỗ trong năm	-	-	(1.876.196.681)	(1.876.196.681)
31/12/2020	18.000.000.000	730.777.438	(4.454.062.510)	14.276.714.928

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu	9.171.202.961	17.158.081.282
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.171.202.961	17.158.081.282
	9.171.202.961	17.158.081.282
Doanh thu với các bên liên quan (Xem chi tiết tại thuyết minh số 27)	672.519.092	2.949.999.091

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
- Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.192.863.863	14.216.472.838
	9.192.863.863	14.216.472.838

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.202.493	1.674.088
	1.202.493	1.674.088

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
- Chi phí lãi vay	185.869.545	306.266.129
	185.869.545	306.266.129

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	2.333.073.232	2.712.093.794
- Nhân viên quản lý	953.485.960	1.162.910.137
- Dụng cụ đồ dùng văn phòng	27.493.104	45.364.577
- Chi phí thuê đất, thuê	1.073.758.156	1.260.039.856
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	75.779.741	53.682.868
- Chi phí quản lý khác	202.556.271	190.096.356
<i>Các khoản chi phí bán hàng</i>	-	-
	2.333.073.232	2.712.093.794

23. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
- Tiền hỗ trợ NLĐ từ Tổng Công ty Khoáng sản TKV	676.180.000	-
- Các khoản khác	18.775.585	88.232.057
	694.955.585	88.232.057

24. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
- Phạt vi phạm hành chính về thuế	2.314.997	1.561.098
- Các khoản chi phí khác	29.436.083	11.593.568
	31.751.080	13.154.666

25. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là dịch vụ lưu trú, nhà hàng và ăn uống diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

26. THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Ban Giám đốc

		Năm 2020
		VND
Thu nhập của Ban Giám đốc		127.768.354
- Lương của Ban Giám đốc	Chức vụ	127.768.354
+ Bà Nông Thị Thúy	Giám đốc	127.768.354

Giao dịch với các bên liên quan

	Mối quan hệ	Năm 2020	Năm 2019
		VND	VND
Mua hàng từ bên liên quan		47.950.000	71.878.182
- Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng	Cùng Công ty mẹ	47.950.000	71.878.182
Cung cấp dịch vụ cho bên liên quan		672.519.092	2.949.999.091
- Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP	Công ty mẹ	310.705.455	1.688.731.818
- Công ty CP Gang thép Cao Bằng	Cùng Công ty mẹ	147.595.455	438.237.273
- Công ty CP Khoáng sản 3	Cùng Công ty mẹ	-	805.370.000
- Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng	Cùng Công ty mẹ	43.218.182	17.660.000
- CN Mô tuyến đồng Sin quyền Lào Cai	Cùng Công ty mẹ	171.000.000	-

27. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31/12/2020 có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty.

28. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Tính đến thời điểm 31/12/2020 lỗ lũy kế của Công ty là 4.454.062.510 đồng, tại ngày này các khoản nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là 1.923.747.347 đồng. Báo cáo tài chính của Công ty được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục do Ban Lãnh đạo Công ty tin tưởng rằng hoạt động của Công ty trong tương lai sẽ có nguồn thu từ hoạt động kinh doanh và tiếp tục nhận được cung cấp tài chính từ các tổ chức tín dụng cũng như các cổ đông và nhà đầu tư.

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán.

Cao Bằng, ngày 18 tháng 03 năm 2021

Lục Thị Yến
Người lập biểu

Dương Quốc Thái
Kế toán trưởng



Nông Thị Thúy
Giám đốc